

Bản án số: **18/2019/HNGĐ- ST**  
Ngày: 18/9/2019.  
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*  
*khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tố Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý A Hoi.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2019/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **21/2019/QĐST-HNGĐ** ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Ngọc T**- Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 129, Tổ dân phố 07, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Bà **Vũ Thị Thanh N** - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà 129, Tổ dân phố 07, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nơi công tác: Trường THCS N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn ông Vũ Ngọc T trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Ông T và bà Vũ Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, vào ngày 08/01/2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân Ông T cho rằng bà N luôn lừa dối Ông T đi vay mượn bên ngoài rất nhiều lần, vay nặng lãi nhiều nơi. Bản thân Ông T đã phải bán hết nhà cửa, đất đai nhiều lần để trả nợ cho

bà N, trả nợ chưa xong bà N không những không sửa chữa mà lại chơi bời vay mượn tiếp, nợ chồng nợ. Hiện tại gia đình Ông T đã phải đi thuê nhà để ở, trắng tay vì bà N. Vợ chồng Ông T đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nữa, niềm tin đã mất. Vì vậy Ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

- *Về con chung*: Ông T và bà Vũ Thị Thanh N có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc N - Sinh ngày 24/6/2003 và cháu Vũ Thị Yến L - Sinh ngày 11/02/2012. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc N. Bà N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Yến L.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung, nợ riêng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Tại bản tự khai ngày 12/7/2019 và tại các biên bản hòa giải bị đơn bà Vũ Thị Thanh N trình bày:***

Bà N nhất trí với phần trình bày kết hôn ban đầu như Ông T trình bày ở trên. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng. Nguyên nhân chính là vấn đề bà N nợ nần nhưng không phải bà N chơi cờ bạc mà bà N cho rằng bà cho họ vay, đến nay vẫn chưa đòi lại được vì vậy mà bà N cứ đi vay chỗ này, trả vào chỗ khác, bản thân bà N cũng biết đã có lỗi với chồng trong việc nợ nần, đưa gia đình rơi vào hoàn cảnh bán hết nhà cửa, đất đai để trả nợ, vợ chồng phải đưa con ra ngoài thuê nhà sinh sống và hiện nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Nay Ông T làm đơn xin ly hôn với bà N, xét thấy hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, quan điểm của bà N vẫn mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, cuộc sống chưa đến mức phải ly hôn. Bà N không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Nếu Ông T không muốn sống chung nữa thì mong muốn của bà N là 2 vợ chồng ly thân như hiện nay.

- *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung như Ông T đã trình bày là cháu Vũ Ngọc N- Sinh ngày 24/6/2003 và cháu Vũ Thị Yến L- Sinh ngày 11/02/2012. Bà N không đồng ý ly hôn nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung, nợ riêng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã nhiều lần tiến hành hòa giải tại Tòa án, nhưng đều không thành vì quan điểm của

nguyên đơn ông Vũ Ngọc T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, lòng tin của Ông T đối với bà N đã hết, Ông T và bà N hiện nay đã sống ly thân trong một thời gian, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù tại các buổi hòa giải quan điểm của bà N đều không đồng ý ly hôn mong muốn được quay về đoàn tụ cùng Ông T, nhưng Ông T vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Ngày 04/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng bà N đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

### **1. Về tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn, do đó cần xác định đây là vụ việc tranh chấp thuộc quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **2. Về Nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà N có đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông T thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà xảy ra do có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là bà N nợ nần dẫn đến đưa gia đình rơi vào hoàn cảnh bán hết nhà cửa, đất đai để trả nợ, vợ chồng Ông T, bà N phải đưa con ra ngoài thuê nhà sinh sống và hiện tại thì ông bà đã sống ly thân được một thời gian, cuộc sống của ai người đầy lo, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân và tại phiên tòa Ông T nói rằng hiện nay mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng ông đã đến mức trầm trọng, không thể cứu vãn được nữa thể hiện bằng việc vợ chồng ông bà đã sống ly thân trong một thời gian dài, điều đó chứng tỏ rằng ông bà đã không còn muốn chung sống cùng nhau nữa. Mặc dù được tòa án phân tích, hòa giải nhiều lần nhưng Ông T vẫn cương quyết xin được ly hôn để giải phóng cho ông, còn về phía bà N không đồng ý muốn gia đình đoàn tụ. Nhưng hạnh phúc gia đình muốn tồn tại được phải từ 02 phía, đơn phương một phía không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Ông T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa Ông T và bà N không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho Ông T được ly hôn với bà N.

- *Về con chung*: Ông T và bà N có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc N - Sinh ngày 24/6/2003 và cháu Vũ Thị Yến L - Sinh ngày 11/02/2012. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc N và cháu N cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng Ông T khi bố mẹ ly hôn. Bà N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Yến L, cháu L cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng với bà N. Xét thấy nguyện vọng của các cháu là phù hợp lên Tòa chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;  
- *Về nợ chung, nợ riêng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;  
- *Về án phí*: Ông Vũ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về lệ phí, án phí Tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân**: Cho ly hôn giữa ông Vũ Ngọc T với bà Vũ Thị Thanh N.

**2. Về con chung**: Giao con chung là cháu Vũ Ngọc N - Sinh ngày 24/6/2003 cho ông Vũ Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên hoặc khi có quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền.

Giao con chung là cháu Vũ Thị Yến L - Sinh ngày 11/02/2012 cho bà Vũ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên hoặc khi có quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền.

Không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

**3. Về tài sản và nợ:** Không đề cập giải quyết.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Vũ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/ 0002391 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND P. T, TPĐBP, tỉnh DB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Thị Tố Loan**

